CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN VĨNH SƠN -SÔNG HINH

Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792 Fax: 056. 3891 975

Email: hpp_vssh@evn.com.vn Website: www.vshpc.evn.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

ISO: 9001-2008

(Theo thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Năm báo cáo: **2010**

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062412.460..000 đồng.

2. Quá trình phát triển:

* Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; Tư vấn thiết kế các công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; Thí nghiệm điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; Đầu tư xây dựng các dự án điện; Kinh doanh bất động sản.

* Tình hình hoạt động: Thời gian hoạt động của Công ty là liên tục, không giới hạn.

3. Định hướng phát triển:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu:

* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

3.2. Chiến lược phát triển :

** Chiến lược phát triển ngắn hạn:*

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thuỷ điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh

+ Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư: $100x10^9$ đồng
+ Tiến độ thực hiện: 2009 - 2012

** Chiến lược phát triển dài hạn:*

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

+ Công suất lắp máy: 220 MW
+ Điện lượng trung bình năm: 1.094,2 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư: $5.744x10^9$ đồng
+ Tiến độ thực hiện: 2009 - 2014

- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:

* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:

+ Công suất lắp máy: 100 MW
+ Điện lượng trung bình năm: 365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư: $2.300x10^9$ đồng
+ Tiến độ thực hiện: Khi dự án Vĩnh Sơn 3 gần hoàn thành

* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:

+ Công suất lắp máy: 30 MW
+ Điện lượng trung bình năm: 113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư: $777x10^9$ đồng
+ Tiến độ thực hiện: 2010 – 2013

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr KWh	690.9	842.128	121.89
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	474.152	534.470	112.72
	Trong đó:				
	DT từ SX điện, DV		394.152	424.508	107.70
	DT từ hoạt động TC		80.000	109.962	137.45
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	251.664	324.673	129.01
	LN từ SX điện&DV		191.664	229.383	119.68
	LN từ hoạt động TC		60.000	95.290	158.82
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	188.748	302.412	160.22
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	9.15	14.66	160.22
6.	Tỷ lệ cổ tức	%			

Năm 2010, Công ty chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở tạm tính giá bán điện năm 2010 bằng 90% giá bán điện của năm 2009

2.2. Kết quả đầu tư phát triển:

a- Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

Trong năm 2010, Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện được một số công việc chính của dự án, cụ thể là:

- Đã hoàn thành công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng các gói thầu công trình chính là: Gói thầu thiết kế, thi công xây dựng tuyến năng lượng, với giá trị 1600 tỷ đồng. Gói thầu thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực, với giá trị 505 tỷ đồng;
- Tiếp tục thi công các hạng mục khởi công từ năm 2010 là: Cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm, Hầm giao thông;
- Triển khai thi công các hạng mục công trình phụ trợ, như: đường vào tuyến đập, đường vào hầm xả, đường dây và trạm biến áp cấp điện thi công;
- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế các tuyến đường tránh ngập Vi Xây-Măng Bút và tỉnh lộ 676, lý trình từ km20-km26; đã triển khai thi công tuyến Vi Xây - Măng Bút;
- Phối hợp cùng UBND huyện KonPlông, Hội đồng đền bù - GPMB huyện KonPlông triển khai công tác bồi thường - GPMB;
- Phối hợp thực hiện và cung ứng vốn kịp thời để triển khai đầu tư xây dựng Dự án thành phần di dân, tái định cư (do UBND huyện làm chủ đầu tư).

b- Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2:

Do có tranh chấp về Quy hoạch giữa DA thủy điện Vĩnh Sơn 2 và thủy điện Sơn Lang 2, nên Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công thương xem xét giải quyết. Trong khi chờ quyết định của Chính phủ, Công ty quyết định tách Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 thành 02 Dự án độc lập là: Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3, đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng về DA thủy điện Vĩnh Sơn 2.

c- Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Trong năm 2010, Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện được một số công việc chính của dự án, cụ thể là:

- Hoàn thành công tác khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán;
- Hoàn thành công tác thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán;
- Thi công hoàn thành 5 km đường từ nhà máy hiện hữu vào khu vực xây dựng nhà máy Vĩnh Sơn 3;
- Triển khai xây dựng 5km đường từ nhà máy Vĩnh Sơn 3 đến khu vực xây dựng đập dâng và đập tràn xả lũ;
- Triển khai thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp cấp điện thi công;
- Hoàn thành hồ sơ mời thầu các gói thầu chính, gồm: tuyến áp lực và tuyến năng lượng;
- Phối hợp cùng UBND huyện Vĩnh Thạnh, Hội đồng đền bù - GPMB huyện Vĩnh Thạnh triển khai công tác bồi thường - GPMB.

d- Cải tạo nâng năng lực khai thác thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh:

Hoàn thành công tác khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đang tổ chức thẩm định, thỏa thuận với các bộ ngành theo quy định, trước khi Chủ đầu tư quyết định đầu tư.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Tháng 01/2010 Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Dương Tấn Tưởng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất.

- Tháng 10/2010 Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Phạm Văn Dũng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách đầu tư kiêm Trưởng Ban quản lý dự án.

- Tháng 10/2010 Công ty hoàn thành công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng các gói thầu công trình chính là: Gói thầu thiết kế, thi công xây dựng tuyến năng lượng với giá trị 1600 tỷ đồng và Gói thầu thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực với giá trị 505 tỷ đồng thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum .

- Trong năm, Công ty đã không ngừng nghiên cứu cải tiến ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong công tác sản xuất và các quy chế, quy định trong công tác quản lý với mục tiêu không ngừng tăng cường hiệu quả công tác, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hiệu quả kinh tế ngày càng cao hơn.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trong thời gian tới, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

1- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

2.1- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện: Năm 2011 là năm tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, đặc biệt là lãi suất ngân hàng quá cao nên Công ty đã tiến hành giãn tiến độ các hạng mục chưa cần thiết nhưng việc triển khai đầu tư Dự án thủy điện Thượng Kon Tum và Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3 vẫn đảm bảo tiến độ đã được HĐQT phê duyệt; Tiếp tục các bước chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2: tiếp tục làm việc với Bộ Công thương để triển khai dự án, Tiếp tục làm việc với địa phương để chuyển mục đích sử dụng đất lòng hồ Đắk Kron Bung thuộc Khu bảo tồn An Toàn; Dự án đầu tư nâng cao hiệu quả khai thác hồ Sông Hinh hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Cụ thể như sau:

a- Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

- Triển khai thi công tất cả các gói thầu công trình chính là: Tuyến năng lượng, Tuyến áp lực, Cửa nhận nước, Hầm giao thông;
- Hoàn thành công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị cơ điện;
- Thi công xây dựng hoàn thành các công trình phụ trợ, như: đường vào công trường, đường dây và trạm biến áp cấp điện thi công trong đầu quý II/2011;
- Thi công xây dựng các tuyến đường tránh ngập: đường tránh ngập km20 - km26, đường Vi Xây - Măng Bút;
- Hoàn thành cơ bản công tác đền bù - giải phóng mặt bằng;
- Phối hợp tốt với UBND huyện KonPlông thực hiện công tác xây dựng Dự án thành phần di dân, tái định cư đảm bảo theo tiến độ đề ra;
- Đầu tư nâng cấp trạm Y tế xã Ngọc Tem để phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân và công nhân thi công xây dựng công trình.

b- Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

- Khẩn trương thi công xây dựng hoàn thành các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập, cấp điện thi công trong quý II/2011;
- Hoàn thành công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng các gói thầu tuyến năng lượng và tuyến áp lực trong quý I/2011;
- Triển khai thi công xây dựng công trình các gói thầu công trình chính là tuyến áp lực, bao gồm: Đập dâng, đập tràn xả lũ; tuyến năng lượng, bao gồm: hầm dẫn nước, đường ống áp lực, tháp điều áp vào đầu quý II/2011.
- Hoàn thành công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công công trình chính và nhà thầu cung cấp thiết bị cơ điện;
- Hoàn thành cơ bản công tác đền bù - giải phóng mặt bằng.

2.2- Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực: Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và

phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

2.3- Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp: Cân đối kế hoạch dòng tiền dài hạn đảm bảo đầu tư phát triển; trên cơ sở nguồn vốn và tài sản chủ sở hữu, sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính – tín dụng để đảm bảo nguồn vốn đầu tư và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3- Quản trị doanh nghiệp: Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo tình hình tài chính :

**** Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:***

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2010	Năm 2009
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	54.76	44.91
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	45.24	55.09
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19.77	12.25
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80.16	87.75
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	6.29	16.98
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5.06	8.16
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9.98	14.51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	56.58	62.46
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	14.66	18.16

**** Phân tích những biến động lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:***

- Việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh năm 2010 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty có nhiều thuận lợi về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc tình hình thời

tiết thuận lợi đã tạo điều kiện tích đủ nước cho các hồ chứa là việc tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện.

- Năm 2010, Công ty chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tạm tính giá bán điện năm 2010 bằng 90% giá bán điện của năm 2009.

**** Những thay đổi về vốn cổ đông:***

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 10.963,45 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2010: 206.241.246 cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2010: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2010: 4.000.000 cổ phiếu quỹ.

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: Cổ tức năm 2010 chưa được chia do chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện năm 2010 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty đã có văn bản đề nghị được tạm ứng cổ tức năm 2010 cho cổ đông nhưng UBCK nhà nước không đồng ý.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

Thực hiện kế hoạch kinh doanh-tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 thông qua ngày 23/07/2010 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

Về sản xuất kinh doanh, với đặc điểm tình hình thời tiết thuận lợi, lượng nước các chứa đều tích đầy và xả tràn, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả cán bộ nhân viên, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010.

Công tác đầu tư xây dựng các dự án về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về tiến độ kế hoạch đề ra, những kết quả đã đạt được bước đầu sẽ tạo tiền đề tốt cho việc tổ chức thực hiện dự án trong các năm tiếp theo

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp Công ty đã có những chính sách thận trọng trong đầu tư tài chính để bảo toàn vốn, tránh rủi ro. Trong thời điểm lãi suất ngân hàng tương đối cao như hiện nay, bằng nguồn vốn tự có từ dòng tiền thu được khi phát hành cổ phiếu và các khoản tích lũy từ lợi nhuận, KHCB... Công ty đã đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, không những đem lại hiệu quả cao và an toàn mà còn đảm bảo

chủ động việc sử dụng vốn hiệu quả cho nhu cầu vốn theo từng thời kỳ của Công ty.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Năm 2010 có một số thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty. Sự thay đổi đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra, việc thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH đã đem lại những hiệu quả thiết thực, ngoài việc giảm chi phí đầu tư các dự án còn làm giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn, góp phần đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

3.2. Các biện pháp kiểm soát:

Năm 2010, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2010 Công ty đã thực hiện đầu tư đúng tiến độ các dự án thủy điện với tổng công suất là 330 MW và tổng mức đầu tư khoảng 8.500 tỷ vào năm 2014. Do vậy, việc phát huy các nguồn vốn tích lũy hiện có của Công ty và nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo phải thực hiện linh hoạt và đồng bộ. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải

đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn: nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ, để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

+ Dự án nâng cao hồ chứa (hồ A và B) và chuyển nước Suối Đá của nhà máy Vĩnh Sơn: Dự án này được lập từ năm 2009 hiện nay đơn vị tư vấn đang hoàn thiện thủ tục với mục tiêu là không sử dụng kho mìn nhằm đảm bảo an toàn trong bảo quản và vận hành. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3 tỷ, tăng thêm dung tích hồ chứa và tăng sản lượng điện phát cho nhà máy Vĩnh Sơn. Công ty đã tiến hành tích nước từ năm 2009 và dự kiến triển khai thực hiện năm 2011.

+ Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ Sông Hinh: lập dự án đầu tư trong năm 2009 và dự kiến triển khai thực hiện năm 2011. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 180 tỷ, tăng thêm dung tích hồ chứa và tăng sản lượng điện phát cho nhà máy Sông Hinh.

4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn: Triển khai thực hiện dự án Thượng Kon Tum (2009-2014) và Vĩnh Sơn 3 (2010-2013).

4.3.Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:

- Năm 2010 tình hình tài chính của thế giới và trong nước chưa ổn định, đặc biệt là lãi suất tăng cao nên việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu trong giai đoạn này khó thực hiện. Hiện tại Công ty đang hoàn thiện thủ tục huy động vốn cho dự án Vĩnh Sơn 3 các dự án ngắn hạn tại hệ thống Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Dự kiến khi tình hình tài chính ổn định vào cuối năm 2011 và đầu năm 2012, Công ty sẽ phát hành trái phiếu khi dự án cần vốn. Năm 2012 và 2013 Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và cổ đông hiện hữu. Việc phát hành cổ phiếu phải phù hợp để tái cơ cấu tài chính của Công ty đến năm 2014, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1- Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
		Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010
TÀI SẢN					
A. Tài sản ngắn hạn	**100**	**1157.86**	**1652.51**	**1159.17**	**1658.77**
1. Tiền và tương đương tiền	110	195.06	671.43	196.28	677.42
2.Các khoản ĐT TC ngắn hạn	120	785.69	550.69	785.69	550.69
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	156.52	388.37	156.62	388.37
4. Hàng tồn kho	140	20.53	41.91	20.53	42.17
5. Tài sản ngắn hạn khác	150	0.06	0.12	0.06	0.14
B. Tài sản dài hạn	**200**	**1420.10**	**1374.29**	**1421.78**	**1370.06**
I. Tài sản cố định	220	1278.19	1140.23	1279.35	1141.56
II. Chi phí XDCB dở dang	230	127.71	217.25	126.82	213.99
III. Các khoản ĐT TC dài hạn	250	12.20	14.81	13.54	11.72
IV. Tài sản dài hạn khác	260	0.99	1.99	2.07	2.79
TỔNG TÀI SẢN	**270**	**2577.96**	**3026.79**	**2580.95**	**3028.83**

Chỉ tiêu	Mã Số	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
		Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010
NGUỒN VỐN					
A. Nợ phải trả	**300**	**316.51**	**598.10**	**316.34**	**598.83**
I. Nợ ngắn hạn	310	67.25	263.09	67.08	263.80
II. Nợ dài hạn	330	249.26	335.01	249.26	335.02
B. Nguồn vốn	**400**	**2261.45**	**2428.69**	**2142.42**	**2430.01**
I. Vốn chủ sở hữu	410	2258.00	2426.60	2141.12	2427.91
1- Vốn điều lệ	*411*	*2062.41*	*2062.41*	*2062.41*	*2062.41*

2- Cổ phiếu quỹ	*412*		*47.12*		*47.12*
3- Quỹ đầu tư phát triển	*417*	*21.50*	*21.50*	*21.50*	*21.50*
4- Quỹ dự phòng tài chính	*418*	*14.38*	*26.88*	*14.38*	*26.88*
5- Lợi nhuận chưa phân phối	*420*	*159.71*	*362.93*	*162.82*	*364.24*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	3.45	2.09	3.50	2.09
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**	**2577.96**	**3026.79**	**2580.95**	**3028.83**

2- Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Báo cáo riêng		Báo cáo hợp nhất	
		Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010
1. DT bán hàng và dịch vụ	01	517.56	424.51	517.56	424.51
2. Giá vốn hàng bán	11	184.90	183.82	184.90	183.82
3. Lợi nhuận gộp	20	332.66	240.69	306.00	240.69
4. Doanh thu tài chính	21	85.00	113.01	82.11	109.96
5. Chi phí tài chính	22	19.28	16.30	19.28	16.30
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.39	11.30	14.92	11.30
7. LN thuần từ hoạt động KD	30	384.00	326.09	380.57	323.04
8. Lợi nhuận khác	40	0.10	0.15	0.10	0.15
9. Lợi nhuận từ công ty liên kết	41			6.48	1.48
10. Lợi nhuận trước thuế	50	384.10	326.24	387.14	324.67
11. CP thuế TNDN hiện hành	51	13.23	22.26	13.31	22.88
12. TN thuế TNDN hoãn lại	52	0.69		0.69	0.62
13. Lợi nhuận sau thuế	60	371.57	303.98	374.52	302.41

Năm 2010, Công ty chưa có thỏa thuận chính thức về giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do đó các số liệu tài chính nêu trên được ghi nhận trên cơ sở tạm tính giá bán điện năm 2010 bằng 90% giá bán điện của năm 2009. Nếu giá bán điện năm 2010 được duy trì bằng giá bán điện của năm 2009 thì doanh thu và lợi nhuận trước thuế tương ứng sẽ tăng lên một khoản là 47,23 tỷ đồng.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

* Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.**

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 (04) 6288 3568
Fax: +84 (04) 6288 5678

* Ý kiến kiểm toán độc lập:

Số: 621 /Deloitte-AUDHP-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến ngoại trừ:

Như trình bày tại thuyết minh số 16 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm kiểm toán, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
Đ.0031/KTV
Thay mặt và đại diện cho
C TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0733/KTV

Ngày 25 tháng 04năm 2011

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

* Các nhận xét đặt biệt: Không.

2. Kiểm toán nội bộ:

* Ý kiến của kiểm toán nội bộ:

- Sổ sách, chứng từ tại công ty được quản lý, lưu trữ đầy đủ và khoa học.

- Công ty thực hiện theo dõi hạch toán riêng cho hai hệ thống kế toán: kế toán sản xuất kinh doanh và kế toán xây dựng cơ bản và tiến hành hợp nhất báo cáo của hai hệ thống trên.

- Công ty theo dõi, hạch toán riêng các khoản nợ vay, các khoản chi cho hoạt động đầu tư của các dự án để đảm bảo tính độc lập của các dự án.

- Đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

- Hạch toán các khoản lãi vay, phân bổ các khoản trả trước dài hạn như công cụ, dụng cụ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

- Đã đánh giá lại số dư ngoại tệ tại các khoản công nợ phải thu - phải trả tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Đã hạch toán theo chế độ dự thu dự chi, cụ thể: doanh thu từ việc sản xuất kinh doanh điện đã ghi nhận theo đúng thời điểm (vào ngày cuối cùng của các tháng), các chi phí phải trả như: lãi vay được trích trước và hạch toán vào chi phí các tháng.

- Đã thực hiện trích khấu hao theo đúng phương pháp đường thẳng, đảm bảo tính nhất quản cho về cách hạch toán chi phí trong kỳ.

- Đã thực hiện mua bảo hiểm tài sản.

* Các nhận xét đặt biệt: Không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

* Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Không.

* Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH (Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần)

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

*** Cơ cấu tổ chức của Công ty:**

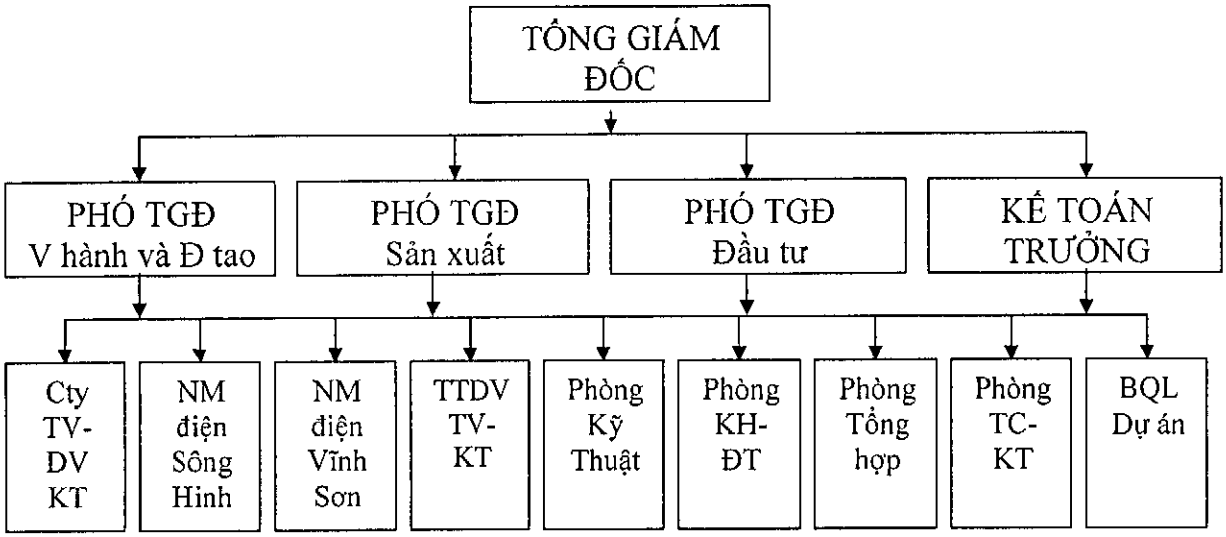

*** Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

1. Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:

07/1992-08/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình thuỷ điện Vĩnh Sơn.

08/1994-07/2005: Phó phòng Kỹ thuật/ Trưởng phòng Kỹ thuật –

	Sản xuất Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn.
08/2005 – 04/2009:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
04/2009 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

2. Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1967
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
12/1988-10/1994	Kế toán tổng hợp Ban QLDA công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
10/1994-4/2005	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
4/2005 – 4/2008	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
5/2008 - nay	Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

3. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo

- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	1968
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:	
8/1992-8/1994:	Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
9/1994-12/2000:	Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
1/2001-9/2003:	Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
10/2203-6/2005	Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
7/2005-11/2009	Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
12/2009-nay	Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh

4. Ông Dương Tấn Tưởng - Phó Tổng Giám đốc sản xuất

- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc sản xuất

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:

1999-2000	Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
2000-2001	Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
2001-2006	Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sữa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh
3/2007-7/2008	Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
8/2008-3/2009	Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
4/2009-12/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
1/2010-nay	Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh

5. Ông Phạm Văn Dũng: Phó Tổng Giám đốc Đầu tư

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Đầu tư
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1959
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng thủy lợi
- Quá trình công tác:

1987-1995	Ban quản lý dự án Thủy điện Vĩnh Sơn
1995-2000	BQL dự án đầu tư và xây dựng ngành Giáo dục – Đào tạo tỉnh Bình Định
2000-2003	BQL dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Quãng Ngãi
2003-2005	Phòng Quản lý thủy điện Công ty Điện lực 3 (nay là TCT Điện lực Miền Trung), Đà Nẵng
2005-2010	Tổng Gián đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Trung, Khánh Hòa.
2010-nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh

* Thay đổi Tổng Giám đốc trong năm: Không

* Quyền lợi của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Tổng tiền lương, thưởng và thu nhập khác: 1.584,63 triệu đồng

* Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2010: 125 người

*** Chính sách đối với người lao động:**

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

Đào tạo: Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

Thu hút nhân tài: Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Chính sách lương: Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Chính sách thưởng: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Phúc lợi: Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

*** Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:**

+ Hội đồng quản trị:

- Ông Phan Hồng Quân: Ủy viên – Bổ nhiệm ngày 23/07/2010.
- Ông Trịnh Văn Tuấn: Ủy viên – Miễn nhiệm ngày 23/07/2010.

+ Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Trung Hậu – Bổ nhiệm ngày 23/07/2010.
- Ông Trịnh Phi Anh – Miễn nhiệm ngày 23/07/2010.

+ Ban Giám đốc:

- Ông Dương Tấn Tưởng: Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm tháng 01/2010.
- Ông Phạm Văn Dũng: Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm tháng 10/2010.

+ Kế toán trưởng: Không

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

**** Thành phần Hội đồng quản trị:***

- Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Đức Đối - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Thắng - Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

**** Thành phần Ban kiểm soát:***

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Trưởng BKS
- Ông Nguyễn Trung Hậu – Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Xuân Việt Anh – Thành viên BKS

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: gồm 03 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

**** Thành phần Ban Giám đốc:***

- Ông Võ Thành Trung – Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Dương Tấn Tưởng – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Văn Dũng – Phó Tổng Giám đốc

**** Hoạt động của HĐQT:***

Trong năm qua, HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ 05 lần, lấy biểu quyết qua thư 23 lần, tổ chức thành công ĐHCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản 01 lần, thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tập trung vào các vấn đề sau:

1- Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp đều có kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý và đề ra nhiệm vụ công tác cho quý sau phù hợp với các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đã điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với diễn biến thị trường.

2- Triển khai đầu tư xây dựng: luôn thực hiện bám sát tiến độ của dự án và các quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông. Đồng thời, vẫn tích cực thúc đẩy công tác chuẩn bị đầu tư các dự án chưa phê duyệt để có thể triển khai được ngay sau khi đủ điều kiện.

3- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế phục vụ công tác quản trị và điều hành các hoạt động của công ty.

4- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định, ra những quyết định cụ thể sau:

1. Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường bằng văn bản để thông qua Hợp đồng Thiết kế và xây dựng Tuyến năng lượng đoạn 2, dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
2. Quyết định mua 4 triệu cổ phiếu quỹ.
3. Thành lập Tổ đàm phán giá điện. Tiếp tục nỗ lực thực hiện các công tác phục vụ đàm phán giá điện năm 2010 và các năm tiếp theo.
4. Phê duyệt phương án vay vốn trung và dài hạn cho dự án thủy điện Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 3.
5. Đầu tư xây dựng trạm xá tại xã Ngọc Tem đáp ứng việc cấp cứu, chữa bệnh tại công trường của dự án thủy điện Thượng Kon Tum và phục vụ nhân dân địa phương.
6. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Dự toán dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3.
7. Lựa chọn nhà thầu Tư vấn và chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật Tuyến năng lượng dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
8. Phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần di dân, tái định cư của DATĐ Thượng Kon Tum.
9. Phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành Dự án nâng cao năng lực hồ C - Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn.
10. Phê duyệt KQKD năm 2010; kế hoạch SXKD năm 2011 của Công ty TNHH MTV tư vấn dịch vụ VSH.
11. Sắp xếp tổ chức bộ máy Ban QLDA thủy điện VSH. Phê duyệt chi phí các Ban QLDA năm 2011.
12. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2011 của Công ty.
13. Thông qua nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2011.
14. Ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh.

15.Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở Công ty.

**** Hoạt động của Ban kiểm soát:***

1. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, như: thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các nghĩa vụ tài chính khác.

2. Giám sát việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty.

3. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

4. Định kỳ kiểm tra Báo cáo tài chính của Công ty, xem xét tính hợp lý của quy trình hoạt động, quy trình luân chuyển chứng từ kế toán.

5. Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong các vấn đề: tổng kết và xác lập kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện chủ trương sản xuất kinh doanh...

**** Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:***

Hiệu quả hoạt động của Công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2009, 2010 và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn nữa trong năm 2011 và những năm tiếp theo. Để đảm bảo tăng trưởng bền vững, hoạt động quản trị Công ty sẽ tập trung thực hiện tốt các giải pháp liên quan đến các lĩnh vực hoạch định chiến lược, đào tạo nhân lực, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, quản lý rủi ro với mục tiêu là xây dựng nền tảng vững chắc giữ vững niềm tin và đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.

**** Thù lao và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS:***

Tại thời điểm báo cáo, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009. Năm 2011 Công ty chưa tiến hành được đại hội cổ đông thường niên cho nên thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2010 vẫn chưa được chi trả.

**** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:***

Hội đồng quản trị: Đã có chứng chỉ 05/05 người
Ban kiểm soát: Đã có chứng chỉ 03/03 người
Ban Giám đốc: Đã có chứng chỉ 04/04 người

**** Tỷ lệ sỡ hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:***

Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	18.513	0.01
2. Nguyễn Đức Đối	Ủy viên	648.750	0.32
BAN GIÁM ĐỐC			
1. Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc	260.370	0.13
2. Hoàng Anh Tuấn	Phó TGĐ	3	0.00
3. Dương Tấn Tưởng	Phó TGĐ	18.300	0.01
4. Phạm Văn Dũng	Phó TGĐ	1.400	0.00

** Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và những người liên quan:* Không có.

** Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và những người liên quan:* Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông: *(Tính đến ngày 20/05/2011)*

Số cổ phần hiện tại: 206.241.246 Cổ phần, trong đó:`

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112.514.878 cp, chiếm 54,55%
- Cổ phiếu quỹ: : 4.000.000 cp, chiếm 1.94%
- Cổ đông CBCNV công ty sở hữu : 1.457.342 cp, chiếm 0,71%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 88.269.026 cp, chiếm 42.80%

Trong đó:

+ Cổ đông trong nước sở hữu : 46.706.760 cp chiếm 22.65%
  * Cổ đông là tổ chức : 14.898.677 cp chiếm 7.22%
  * Cổ đông là cá nhân : 31.808.083 cp chiếm 15.43%
+ Cổ đông nước ngoài sở hữu : 41.562.266 cp chiếm 20.15%
  * Cổ đông là tổ chức : 40.501.936 cp chiếm 19.64%
  * Cổ đông là cá nhân : 1.060.330 cp chiếm 0.51%

2.1. Cổ đông Nhà nước:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sỡ hữu	Số vốn cổ đông sở hữu (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.016.948	630.169,48	30.55
+ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	49.497.930	494.979,30	24.00
Tổng cộng	**112.514.878**	**1.125.148,78**	**54.55**

2.2. Cổ đông sáng lập:

Tên cổ đông	Số lượng cổ	Số vốn cổ đông	Tỷ lệ sở

	phần sỡ hữu	sở hữu (triệu đồng)	hữu (%)
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.016.948	630.169,48	30.55
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.500.000	15.000,00	0.73
+ Vũ Hiền – Đống Đa, Hà Nội	1	0,01	0.00
Tổng cộng	**64.516.949**	**645.169.490**	**31.28**

2.3. Cổ đông nước ngoài:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sỡ hữu	Số vốn cổ đông sở hữu (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
+ SOCIETE GENERALE	2.996.676	29.966,76	1.45
+ SWIFTCURRENT OFFSHORE, LTD.	6.047.070	60.470,70	2.93
+ SWIFTCURRENT PARTNERS, L.P	4.064990	40.649,90	1.97
+ Deutsche Bank London	9.783.810	97.838,10	4.74
+ Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	2.120.000	21.200,00	0.95
+ Các cổ đông nước ngoài khác	19.614.979	196.149,79	9.51
Tổng cộng	**41.562.266**	**415.622,66**	**20.15**

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Nguyễn Văn Thanh

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CPTĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH
SAO Y BẢN CHÍNH
Số: ..... Ngày 13/6/2011

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ T. BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
TP. QUY NHƠN T. BÌNH ĐỊNH

Hoàng Anh Tuấn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 07 năm 2010)
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010)
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN SÔNG HINH

Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 622 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 4 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		**1.652.505.725.459**	**1.157.862.829.588**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**671.424.614.553**	**195.063.843.016**
1. Tiền	111		18.424.614.553	15.063.843.016
2. Các khoản tương đương tiền	112		653.000.000.000	180.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**550.685.326.000**	**785.685.326.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	550.685.326.000	785.685.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**388.372.395.788**	**156.524.636.520**
1. Phải thu khách hàng	131		167.736.868.225	107.228.003.552
2. Trả trước cho người bán	132	7	193.374.537.021	24.137.900.000
3. Các khoản phải thu khác	135		27.260.990.542	25.158.732.968
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**41.906.769.027**	**20.525.974.052**
1. Hàng tồn kho	141		49.872.458.537	28.491.663.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**116.620.091**	**63.050.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.120.091	18.550.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		80.500.000	44.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**1.374.286.125.743**	**1.420.096.688.193**
I. Tài sản cố định	**220**		**1.357.481.746.174**	**1.405.903.837.182**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.140.227.583.384	1.278.191.492.963
- Nguyên giá	*222*		*2.909.909.769.935*	*2.904.268.547.729*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.769.682.186.551)*	*(1.626.077.054.766)*
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	217.254.162.790	127.712.344.219
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**14.812.957.192**	**12.201.428.634**
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	5.000.000.000	2.388.471.442
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	9.812.957.192	9.812.957.192
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.991.422.377**	**1.991.422.377**
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.991.422.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.026.791.851.202	2.577.959.517.781

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		**598.098.379.835**	**318.631.260.486**
I. Nợ ngắn hạn	310		**263.087.948.033**	**69.375.919.423**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	183.722.395.805	30.918.252.300
2. Phải trả người bán	312		16.356.464.847	6.835.617.641
3. Người mua trả tiền trước	313		150.573.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	26.869.774.732	19.230.828.497
5. Phải trả người lao động	315		5.010.930.059	3.845.822.662
6. Chi phí phải trả	316		2.742.506.634	1.199.417.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		25.307.454.140	5.223.854.854
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.927.848.816	2.122.125.601
II. Nợ dài hạn	330		**335.010.431.802**	**249.255.341.063**
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	334.833.684.573	249.066.753.336
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		176.747.229	188.587.727
B. NGUỒN VỐN	400		**2.428.693.471.367**	**2.259.328.257.295**
I. Vốn chủ sở hữu	410		**2.426.600.443.960**	**2.258.001.792.783**
1. Vốn điều lệ	411	16	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	16	(47.117.531.962)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	14.380.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	362.925.515.922	159.709.332.783
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		**2.093.027.407**	**1.326.464.512**
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2.093.027.407	1.326.464.512
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		**3.026.791.851.202**	**2.577.959.517.781**

Võ Thành Trung	Huỳnh Công Hà	Lê Văn Chương
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	**424.508.110.542**	**517.563.494.991**
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	183.823.225.751	184.900.669.469
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**240.684.884.791**	**332.662.825.522**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	113.007.629.723	85.004.633.370
5. Chi phí tài chính	22	20	16.304.198.690	19.279.794.670
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	*23*		*3.411.837.498*	*6.514.304.722*
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.302.425.980	14.388.082.480
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**326.085.889.844**	**383.999.581.742**
8. Thu nhập khác	31		157.303.930	494.022.552
9. Chi phí khác	32		3.930.000	394.366.897
10. Lợi nhuận khác	40		**153.373.930**	99.655.655
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**326.239.263.774**	**384.099.237.397**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	22.260.668.235	13.226.788.513
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	692.846.225
14. Lợi nhuận sau thuế	60		303.978.595.539	371.565.295.109
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.481	1.802

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN SÔNG HINH

Võ Thành Trung	Huỳnh Công Hà	Lê Văn Chương
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*326.239.263.774*	*384.099.237.397*
2. Điều chỉnh cho các khoản:		*46.720.620.733*	*88.549.945.303*
- Khấu hao tài sản cố định	02	144.371.694.680	151.503.399.103
- Các khoản dự phòng	03	-	2.771.384.901
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.944.718.278	12.765.489.948
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(113.007.629.723)	(85.004.633.371)
- Chi phí lãi vay	06	3.411.837.498	6.514.304.722
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*372.959.884.507*	*472.649.182.700*
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(51.353.025.599)	(54.503.130.741)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(21.380.794.975)	(2.464.994.663)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp	11	(12.456.168.884)	7.908.276.096
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(17.570.091)	6.394.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.305.181.798)	(6.160.221.217)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.226.788.513)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.199.892.000	5.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.235.892.000)	(2.363.003.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*270.184.354.647*	*415.077.502.334*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(254.979.884.208)	(98.732.776.608)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	15.200.000
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(760.000.000.000)	(890.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	995.000.000.000	930.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào Công ty con	25	(2.611.528.558)	(2.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.528.724.354	101.933.966.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*83.937.311.588*	*41.216.389.584*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(47.117.531.962)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	262.754.228.651	42.406.525.177
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.127.872.187)	(104.137.769.859)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(57.269.719.200)	(247.487.864.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*122.239.105.302*	*(309.219.109.082)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**476.360.771.537**	**147.074.782.836**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**195.063.843.016**	**47.989.060.180**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**671.424.614.553**	**195.063.843.016**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 174.027.668.798 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình, và không bao gồm 14.230.825.367 VND là giá trị tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán.

Tiền dùng để trả cổ tức trong năm không bao gồm 25.206.779.200 VND là số cổ tức năm 2009 đã công bố nhưng chưa thanh toán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu, phải trả.

Võ Thành Trung	**Huỳnh Công Hà**	**Lê Văn Chương**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 125 người (31/12/2009: 125 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và nhà máy thủy điện Sông Hinh). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2010 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty con phản ánh khoản đầu tư vào Công ty do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty khác để thu được các lợi ích từ hoạt động này. Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nghị định số 108 /2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm nay là năm cuối Công ty kinh doanh có lãi và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	294.458.690	150.348.918
Tiền gửi ngân hàng	18.130.155.863	14.913.494.098
Các khoản tương đương tiền (i)	653.000.000.000	180.000.000.000
	671.424.614.553	195.063.843.016

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng và hai khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý, trị giá mỗi khoản 25 tỷ VND với lãi suất 11%, đáo hạn lần lượt vào ngày 29/01/2011 và 03/02/2011.

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15, Công ty đã cầm cố/thế chấp các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 205 tỷ VND để bảo đảm cho các khoản vay.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	520.000.000.000	755.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	*20.000.000.000*	*150.000.000.000*
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	*105.000.000.000*
	550.685.326.000	785.685.326.000

(i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 8%, và được điều chỉnh lên 11,4% từ ngày 26/06/2010.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng 121.850.083.095 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 Dự án Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng thi công các hạng mục công trình dự án Thượng Kon Tum với tổng số tiền 57.701.432.223 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.693.450.491	27.652.793.979
Công cụ, dụng cụ	-	3.230.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	179.008.046	835.639.583
	49.872.458.537	28.491.663.562
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	41.906.769.027	20.525.974.052

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	2.046.894.363	827.202.624	6.829.177	23.342.384	2.904.268.548
Tăng trong năm	1.591.689	1.282.948	1.166.584	1.600.000	5.641.221
Phân loại lại	-	(146.295)	146.295	-	-
Tại ngày 31/12/2010	2.048.486.052	828.339.277	8.142.056	24.942.384	2.909.909.769
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	(910.917.968)	(695.895.705)	(1.291.551)	(17.971.831)	(1.626.077.055)
Khấu hao trong năm	(68.248.574)	(73.946.573)	(178.834)	(904.543)	(143.278.524)
Khác	-	-	(65.619)	(260.988)	(326.607)
Tại ngày 31/12/2010	(979.166.542)	(769.842.278)	(1.536.004)	(19.137.362)	(1.769.682.186)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	1.069.319.510	58.496.999	6.606.052	5.805.022	1.140.227.583
Tại ngày 31/12/2009	1.135.976.395	131.306.919	5.537.626	5.370.553	1.278.191.493

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 425.077.951.337 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 với tổng giá trị là 392.559.815.335 VND (31/12/2009 là 21.274.032.589 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2010 VND	2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	127.712.344.219	56.090.444.200
Tăng	91.138.781.301	76.845.396.925
Khác	(1.596.962.730)	(5.223.496.906)
Tại ngày 31 tháng 12	217.254.162.790	127.712.344.219

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	174.195.631.599	106.751.024.360
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	36.335.273.789	13.532.335.191
Khác	1.348.560.796	2.054.288.062
	217.254.162.790	127.712.344.219

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.

(ii) Dự án thuỷ điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đang tiến hành thi công các hạng mục đường vào công trình đầu mối.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Du lịch kỹ thuật VSH.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49.72%	49.72%	Du lịch, khách sạn...

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	63.350.083.095	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ii)	36.958.145.556	-
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	22.510.383.514	21.332.072.186
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	60.903.783.640	9.586.180.114
	183.722.395.805	**30.918.252.300**

(i) Khoản vay 3.248.722 USD theo hợp đồng tín dụng số 201.10.401.700002.TD.DN ngày 27/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định cho mục đích thanh toán tạm ứng cho nhà thầu thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi 12 tháng USD của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 75 tỷ VND.

(ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 542/2010/0002716 ngày 6/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài cho mục đích thanh toán chi phí thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất cho vay được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ VND.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.576.375.113	4.074.906.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.260.668.235	13.226.788.513
Thuế tài nguyên	2.071.108.848	1.813.656.868
Các loại thuế khác	961.622.536	115.476.376
	26.869.774.732	**19.230.828.497**

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng Phát triển (i)	205.680.743.037	216.246.408.274
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	109.652.941.536	32.820.345.062
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	-
	334.833.684.573	**249.066.753.336**

(i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 425.077.951.337 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

(ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 0018/HĐTD2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức vay là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là 13,8%/năm. Khoản vay được tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng số 0021/HĐTD2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18. Khoản vay được tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng số 0025/HĐTD2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được tín chấp.

- Hợp đồng vay vốn số HĐ 0022/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 09 năm 2010, hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng /lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06/03/2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.

- Hợp đồng tín dụng số 0029/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 3 triệu USD, thời hạn vay 48 tháng, gốc trả định kỳ 8 tháng một lần, lãi trả 6 tháng/lần. Lãi suất xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND/USD của ngân hàng VIB cộng (+) lãi biên tối thiểu 1,6%. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 60 tỷ VND.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số BĐL.DN.02231210 ngày 26/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ đồng cho mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 3. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng nhận lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	83.414.167.154	30.918.252.300
Trong năm thứ hai	66.083.325.051	54.152.417.247
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	131.014.494.645	63.996.216.558
Sau năm năm	137.735.864.877	130.918.119.531
	418.247.851.727	279.985.005.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	83.414.167.154	30.918.252.300
Số phải trả sau 12 tháng	334.833.684.573	249.066.753.336

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	1.374.942.580.000	-	309.481.083.074
Tăng vốn trong năm	687.469.880.000	-	(266.809.312.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	371.565.295.109
Cổ tức đã trả	-	-	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	-	(3.796.728.000)
Chi khác	-	-	(3.241.341.000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	2.062.412.460.000	-	159.709.332.783
Lợi nhuận trong năm	-	-	303.978.595.539
Phát sinh trong năm (i)	-	(47.117.531.962)	-
Chia cổ tức trong năm (ii)	-	-	(82.476.498.400)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính (ii)	-	-	(12.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	(3.970.452.000)
Khác	-	-	(1.815.462.000)
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	362.925.515.922

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 693/2010/NQ-VSH-HDQT ngày 13/08/2010, Hội đồng quản trị đã thống nhất mua lại 4 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, với nguồn vốn tài trợ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 25/08/2010 đến ngày 16/11/2010.

(ii) Chia cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 4% và trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 609/2010/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2010.

(iii) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35.3/2010/TNQ-VSH-HĐQT ngày 18/01/2010 và tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cơ cấu góp vốn

	31/12/2010		31/12/2009	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	424.448.110.542	516.645.504.400
Doanh thu dịch vụ khác	60.000.000	917.990.591
	424.508.110.542	517.563.494.991

(*): Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận doanh thu như vậy là phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Trong trường hợp đơn giá bán điện được duy trì như năm 2009, thì doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng 47.232.497.110 VND.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010	2009
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	183.160.258.131	184.327.630.087
Giá vốn hoạt động khác	662.967.620	573.039.382
	183.823.225.751	184.900.669.469

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.221.805.064	2.108.140.799
Chi phí nhân công	15.797.271.509	13.030.323.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.278.524.228	151.503.399.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.104.664.973	4.688.400.092
Chi phí khác	29.025.184.420	28.212.544.295
	194.427.450.194	199.542.807.776

20. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	105.193.497.700	82.012.116.944
Cổ tức được chia	7.814.132.023	2.908.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	83.836.426
	113.007.629.723	85.004.633.370
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	3.411.837.498	6.514.304.722
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	947.642.915	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.944.718.277	12.765.489.948
	16.304.198.690	19.279.794.670
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	96.703.431.033	65.724.838.700

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	326.239.263.774	384.099.237.397
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	2.771.384.900
Thu nhập chịu thuế	326.239.263.774	386.870.622.297
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế	237.196.590.834	333.963.468.245
Thu nhập khác	89.042.672.940	52.907.154.052
Thu nhập tính thuế theo quy định hiện hành	89.042.672.940	52.907.154.052
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.260.668.235	13.226.788.513

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	303.978.595.539	371.565.295.109
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	205.183.051	206.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.481	1.802

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty CP Đầu tư XD Công trình ngầm Việt nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND.

Ngày 11 tháng 1 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 18/HĐ-VSH-CVCCH với Công ty Cổ phần Cavico về việc thi công xây dựng hầm giao thông và đoạn rẽ vào Nhà máy - Dự án thủy điện thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 111.958.725.000 VND. Công ty đã tạm ứng 15% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty CP Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 dự án Thủy điện thượng Kom Tum với giá trị là 1.137.167.773.456 VND và 25.000.000 USD. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	424.448.110.542	516.645.504.400
Lãi cho vay EVN	46.764.444.444	40.856.811.265
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	8.970.304.165	6.201.222.230
Cổ tức		
Trả cổ tức cho EVN	-	75.620.338.200
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	19.799.172.000	59.397.516.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	3.296.333.023	2.908.680.000
Đầu tư		
Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	185.000.000.000	110.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	2.611.528.558	-

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	167.736.868.225	107.123.294.902
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.206.779.200	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	50.000.000.000	85.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.584.628.002	859.134.775

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Võ Thanh Trung
Tổng Giám đốc

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CPTĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH
SAO Y BẢN CHÍNH
Số .....Ngày 13/06/2011

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

SĐKKD: 3503000058 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
TP. QUI NHƠN T. BÌNH ĐỊNH

Hoàng Anh Tuấn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Tuấn	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 07 năm 2010)
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tưởng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010)
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,

SỞ KH: 3502000058 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH
TP. QUI NHƠN T. BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Văn Thanh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 621 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến thời điểm kiểm toán, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện tên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 4 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.658.768.899.826**	**1.159.172.623.682**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**677.417.788.920**	**196.280.817.110**
1. Tiền	111		20.417.788.920	16.280.817.110
2. Các khoản tương đương tiền	112		657.000.000.000	180.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**550.685.326.000**	**785.685.326.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	550.685.326.000	785.685.326.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**388.372.395.788**	**156.617.456.520**
1. Phải thu khách hàng	131		167.736.868.225	107.228.003.552
2. Trả trước cho người bán	132	7	193.374.537.021	24.230.720.000
3. Các khoản phải thu khác	135		27.260.990.542	25.158.732.968
IV. Hàng tồn kho	**140**	**8**	**42.156.769.027**	**20.525.974.052**
1. Hàng tồn kho	141		50.122.458.537	28.491.663.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**136.620.091**	**63.050.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.120.091	18.550.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		100.500.000	44.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.370.061.747.129**	**1.421.776.973.968**
I. Tài sản cố định	**220**		**1.355.554.293.178**	**1.406.167.435.180**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.141.562.975.588	1.279.345.161.357
- Nguyên giá	*222*		*2.911.580.842.118*	*2.905.610.150.005*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.770.017.866.530)*	*(1.626.264.988.648)*
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	213.991.317.590	126.822.273.823
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**11.720.973.049**	**13.537.609.715**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	11.720.973.049	13.537.609.715
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.786.480.902**	**2.071.929.073**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		172.079.223	80.506.696
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.614.401.679	1.991.422.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.028.830.646.955	2.580.949.597.650

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		**598.825.512.882**	**318.457.414.284**
I. Nợ ngắn hạn	310		**263.802.230.295**	**69.199.193.063**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	183.722.395.805	30.918.252.300
2. Phải trả người bán	312		15.811.655.958	5.885.617.641
3. Người mua trả tiền trước	313		150.573.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	27.798.397.110	19.457.067.987
5. Phải trả người lao động	315		5.406.855.036	4.129.042.662
6. Chi phí phải trả	316		2.742.506.634	1.199.417.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		25.323.435.620	5.487.669.004
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.846.411.132	2.122.125.601
II. Nợ dài hạn	330		**335.023.282.587**	**249.258.221.221**
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	334.833.684.573	249.066.753.336
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189.598.014	191.467.885
B. NGUỒN VỐN	400		**2.430.005.134.073**	**2.262.492.183.366**
I. Vốn chủ sở hữu	410		**2.427.912.106.666**	**2.261.115.671.822**
1. Vốn điều lệ	411	15	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	15	(47.117.531.962)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	14.380.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	364.237.178.628	162.823.211.822
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		**2.093.027.407**	**1.376.511.544**
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2.093.027.407	1.376.511.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		**3.028.830.646.955**	**2.580.949.597.650**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Võ Thành Trung	Huỳnh Công Hà	Lê Văn Chương
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	**424.508.110.542**	**517.563.494.991**
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	17	183.823.225.751	184.900.669.469
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**240.684.884.791**	**332.662.825.522**
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	109.962.100.261	82.105.273.259
5. Chi phí tài chính	22	19	16.304.198.690	19.279.794.670
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	*23*		*3.411.837.498*	*6.514.304.722*
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.302.425.980	14.921.002.929
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**323.040.360.382**	**380.567.301.182**
8. Thu nhập khác	31		157.303.930	105.551.110
9. Chi phí khác	32		3.930.000	5.895.455
10. Lợi nhuận khác	40		**153.373.930**	**99.655.655**
11. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	41		**1.479.696.357**	**6.477.581.325**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**324.673.430.669**	**387.144.538.162**
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	22.883.647.537	13.313.961.437
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		622.979.302	692.846.225
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**302.412.762.434**	**374.523.422.950**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	1.474	1.816

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Võ Thành Trung	Huỳnh Công Hà	Lê Văn Chương
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*	*324.673.430.669*	*387.144.538.162*
2. Điều chỉnh cho các khoản:		*49.863.849.260*	*84.980.530.896*
- Khấu hao tài sản cố định	02	144.469.393.745	151.512.205.909
- Các khoản dự phòng	03	-	2.771.384.901
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	11.944.718.278	12.765.489.948
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(109.962.100.261)	(88.582.854.584)
- Chi phí lãi vay	06	3.411.837.498	6.514.304.722
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	*08*	*374.537.279.929*	*472.125.069.058*
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(54.295.764.434)	(54.586.630.853)
- Giảm tài sản dài hạn khác	09	-	-
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(21.630.794.975)	(2.464.994.663)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(10.607.886.126)	7.647.256.970
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(109.142.618)	(74.112.696)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.305.181.798)	(6.160.221.217)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.226.788.513)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.199.892.000	5.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.255.892.000)	(2.363.003.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*270.305.721.465*	*414.128.362.758*
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(252.936.579.311)	(98.566.662.938)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	15.200.000
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(760.000.000.000)	(890.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	995.000.000.000	930.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào Công ty con	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.528.724.354	101.933.966.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*88.592.145.043*	*43.382.503.254*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(47.117.531.962)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	262.754.228.651	42.406.525.177
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.127.872.187)	(104.137.769.859)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(57.269.719.200)	(247.487.864.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*122.239.105.302*	*(309.219.109.082)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	481.136.971.810	148.291.756.930
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	196.280.817.110	47.989.060.180
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	677.417.788.920	196.280.817.110

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ:

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 174.027.668.798 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình, và không bao gồm 14.230.825.367 VND là giá trị tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán

Tiền dùng để trả cổ tức trong năm không bao gồm 25.206.779.200 VND là số cổ tức năm 2009 đã công bố nhưng chưa thanh toán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu, phải trả.

Võ Thành Trung	**Huỳnh Công Hà**	**Lê Văn Chương**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 25 tháng 4 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thuỷ điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 125 người (31/12/2009: 125 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá từ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2010 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm nay sẽ là năm cuối Công ty kinh doanh có lãi và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh này.

Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% theo các quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	502.839.771	358.060.981
Tiền gửi ngân hàng	19.914.949.149	15.922.756.129
Các khoản tương đương tiền (i)	657.000.000.000	180.000.000.000
	677.417.788.920	196.280.817.110

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng và hai khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý, trị giá mỗi khoản 25 tỷ VND với lãi suất 11%, đáo hạn lần lượt vào ngày 29/01/2011 và 03/02/2011.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 14, Công ty đã cầm cố/thế chấp các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 205 tỷ VND để bảo đảm cho các khoản vay.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	520.000.000.000	755.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	*20.000.000.000*	*150.000.000.000*
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	*105.000.000.000*
	550.685.326.000	785.685.326.000

(i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 8%, và được điều chỉnh lên 11,4% từ ngày 26/06/2010.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng 121.850.083.095 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 Dự án Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng thi công các hạng mục công trình dự án Thượng Kon Tum với tổng số tiền 57.701.432.223 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	49.693.450.491	27.652.793.979
Công cụ, dụng cụ	-	3.230.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	429.008.046	835.639.583
	50.122.458.537	28.491.663.562
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	42.156.769.027	20.525.974.052

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	2.047.298.356	827.317.125	7.023.502	23.971.167	2.905.610.150
Tăng trong năm	1.692.597	1.282.949	1.395.146	1.600.000	5.970.692
Phân loại lại	-	(146.295)	146.295	-	-
Tại ngày 31/12/2010	2.048.990.953	828.453.779	8.564.943	25.571.167	2.911.580.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	(911.066.435)	(695.896.244)	(1.297.859)	(18.004.451)	(1.626.264.989)
Khấu hao trong năm	(68.253.728)	(74.000.699)	(178.834)	(993.009)	(143.426.270)
Khác	-	-	(65.619)	(260.988)	(326.607)
Tại ngày 31/12/2010	(979.320.163)	(769.896.943)	(1.542.312)	(19.258.448)	(1.770.017.866)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	1.069.670.790	58.556.836	7.022.631	6.312.719	1.141.562.976
Tại ngày 31/12/2009	1.136.231.921	131.420.881	5.725.643	5.966.716	1.279.345.161

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 425.077.951.337 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 31/12/2010 là 392.559.815.335 VND (31/12/2009: 21.274.032.589 VND).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2010 VND	2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	126.822.273.823	56.090.444.200
Tăng	88.766.006.497	75.823.665.371
Khác	(1.596.962.730)	(5.091.835.748)
Tại ngày 31 tháng 12	213.991.317.590	126.822.273.823

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	170.932.786.399	105.860.953.965
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	36.335.273.789	13.532.335.191
Khác	1.348.560.796	2.054.288.061
	213.991.317.590	126.822.273.823

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.

(ii) Dự án thuỷ điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đang tiến hành thi công các hạng mục đường vào công trình đầu mối.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành...

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	25.769.468.799	29.460.572.340
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.195.508.523	2.232.877.820
Giá trị tài sản thuần	23.573.960.276	27.227.694.520
Chi tiết như sau:		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết	1.296.329.279	7.122.273.323

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu của công ty liên kết	15.622.821.124	14.001.155.439
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	3.246.329.279	13.185.843.468
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.479.696.357	6.477.581.325

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	63.350.083.095	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam (ii)	36.958.145.556	-
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	22.510.383.514	21.332.072.186
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	60.903.783.640	9.586.180.114
	183.722.395.805	30.918.252.300

(i) Khoản vay 3.248.722 USD theo hợp đồng tín dụng số 201.10.401.700002.TD.DN ngày 27/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Định cho mục đích thanh toán tạm ứng cho nhà thầu thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi 12 tháng USD của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 75 tỷ VND.

(ii)Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 542/2010/0002716 ngày 6/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài cho mục đích thanh toán chi phí thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất cho vay được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ VND.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.919.702.460	4.176.191.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.724.881.266	13.313.961.437
Thuế tài nguyên	2.071.108.848	1.813.656.868
Các loại thuế khác	1.082.704.536	153.258.376
	27.798.397.110	19.457.067.987

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	205.680.743.037	216.246.408.274
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	109.652.941.536	32.820.345.062
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	-
	334.833.684.573	249.066.753.336

(i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 425.077.951.337 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

(ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 0018/HĐTD2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức vay là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là 13,8%/năm. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0021/HĐTD2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18. Khoản vay được tín chấp.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 0025/HĐTD2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được tín chấp.

- Hợp đồng vay vốn số 0022/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 09 năm 2010, hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng /lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06/03/2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.

- Hợp đồng tín dụng số 0029/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 3 triệu USD, thời hạn vay 48 tháng, gốc trả định kỳ 8 tháng một lần, lãi trả 6 tháng/lần. Lãi suất xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND/USD của VIB cộng (+) lãi biên tối thiểu 1,6%. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 60 tỷ VND.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số BĐL.DN.02231210 ngày 26/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ đồng cho mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 3. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng nhận lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm từ tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	83.414.167.154	30.918.252.300
Trong năm thứ hai	66.083.325.051	54.152.417.247
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	131.014.494.645	63.996.216.558
Sau năm năm	137.735.864.877	130.918.119.531
	418.247.851.727	279.985.005.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	83.414.167.154	30.918.252.300
Số phải trả sau 12 tháng	334.833.684.573	249.066.753.336

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	1.374.942.580.000	-	309.636.834.272
Tăng vốn trong năm	687.469.880.000	-	(266.809.312.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	374.523.422.950
Cổ tức đã trả	-	-	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	-	(3.796.728.000)
Chi khác	-	-	(3.241.341.000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	2.062.412.460.000	-	162.823.211.822
Lợi nhuận trong năm	-	-	302.412.762.434
Phát sinh trong năm (i)	-	(47.117.531.962)	-
Chia cổ tức (ii)	-	-	(82.476.498.400)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính (ii)	-	-	(12.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	(3.970.452.000)
Khác	-	-	(2.051.845.228)
Số dư tại ngày 31/12/2010	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	364.237.178.628

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 693/2010/NQ-VSH-HDQT ngày 13/08/2010, Hội đồng quản trị đã thống nhất mua lại 4 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, với nguồn vốn tài trợ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 25/08/2010 đến ngày 16/11/2010.

(ii) Chia cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 4% và trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 609/2010/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2010.

(iii) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35.3/2010/TNQ-VSH-HĐQT ngày 18/01/2010 và tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010.

Cơ cấu góp vốn

	31/12/2010		31/12/2009	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán điện (*)	424.448.110.542	516.645.504.400
Doanh thu dịch vụ khác	60.000.000	917.990.591
	424.508.110.542	517.563.494.991

(*) Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện năm 2009. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc ghi nhận doanh thu như vậy là phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Trong trường hợp đơn giá bán điện được duy trì như năm 2009, thì doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng 47.232.497.110 VND.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010 VND	2009 VND
Giá vốn sản xuất điện	183.160.258.131	184.327.630.087
Giá vốn hoạt động khác	662.967.620	573.039.382
	183.823.225.751	184.900.669.469

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.221.805.064	2.108.140.799
Chi phí nhân công	15.797.271.509	13.307.377.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.278.524.228	151.507.122.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.104.664.973	7.534.993.713
Chi phí khác	29.025.184.420	25.618.094.483
	194.427.450.194	200.075.728.525

19. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	105.444.301.261	82.021.436.833
Cổ tức được chia	4.517.799.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	83.836.426
	109.962.100.261	82.105.273.259
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	3.411.837.498	6.514.304.722
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	947.642.915	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.944.718.277	12.765.489.948
	16.304.198.690	19.279.794.670
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	93.657.901.571	62.825.478.589

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	324.673.430.669	387.144.538.162
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.491.917.208	2.771.384.900
Thu nhập chịu thuế	327.165.347.877	389.915.923.062
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế	235.630.757.729	336.660.077.314
Thu nhập khác	91.534.590.148	53.255.845.748
Thu nhập tính thuế theo quy định hiện hành	91.534.590.148	53.255.845.748
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.883.647.537	13.313.961.437

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	302.412.762.434	374.523.422.950
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	205.183.051	206.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.474**	**1.816**

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/ HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty CP Đầu tư XD Công trình ngầm Việt nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND.

Ngày 11 tháng 1 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 18/HĐ-VSH-CVCCH với Công ty Cổ phần Cavico về việc thi công xây dựng hầm giao thông và đoạn rẽ vào Nhà máy - Dự án thủy điện thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 111.958.725.000 VND. Công ty đã tạm ứng 15% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty CP Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dung và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 dự án Thủy điện thượng Kom Tum với giá trị là 1.137.167.773.456 VND và 25.000.000 USD. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	424.448.110.542	516.645.504.400
Lãi cho vay EVN	46.764.444.444	40.856.811.265
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	8.970.304.165	6.201.222.230
Cổ tức		
Trả cổ tức cho EVN	-	75.620.338.200
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà	19.799.172.000	59.397.516.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	3.296.333.023	2.908.680.000
Đầu tư		
Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	185.000.000.000	110.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	167.736.868.225	107.123.294.902
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.206.779.200	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	50.000.000.000	85.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.584.628.002	859.134.775

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Võ Thành Trung Tổng Giám đốc	Huỳnh Công Hà Kế toán trưởng	Lê Văn Chương Người lập

Ngày 25 tháng 4 năm 2011